TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08 – 11 – 2019
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Văn Năm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Tiến

2. Ông Nguyễn Văn Quí

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Kim Huyền – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 441/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2019 về việc "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Minh L, sinh năm 1994 (có mặt)

- *Bị đơn*: Chị Thạch Thị Na Q, sinh năm 1996 (có mặt)

Cùng nơi cư trú: Ấp Z, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 9 năm 2019 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn anh Nguyễn Minh L trình bày:

Anh và chị Thạch Thị Na Q thành hôn năm 2013 và đăng ký kết hôn ngày 12/02/2014 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng hạnh phúc được khoảng 04 năm, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do thời gian tìm hiểu, quen nhau ngắn nên khi thành hôn chung sống với nhau thường xuyên bất đồng ý kiến với nhau, quan điểm sống hoàn toàn không hợp nhau, vợ chồng sống ly thân từ ngày 23/10/2017 cho đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh yêu cầu được ly hôn với chị Q. Về con chung, vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thạch Đức D, sinh ngày 09/12/2015 hiện chị Q đang

nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu D không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 29 tháng 10 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Thạch Thị Na Q trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của anh L về quan hệ hôn nhân, thời gian sống ly thân và con chung. Chị Q trình bày nguyên nhân mất hạnh phúc là do vợ chồng hay cự cãi nhau, anh L đã quen người phụ nữ khác và về sống chung nhà. Vợ chồng không đoàn tụ được. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đồng ý ly hôn với anh L. Về con chung: Chị Q yêu cầu nuôi con tên Nguyễn Thạch Đức D, sinh ngày 09/12/2015; yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị không yêu cầu người phiên dịch.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh L vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Bị đơn chị Q yêu cầu nuôi con tên Nguyễn Thạch Đức D, sinh ngày 09/12/2015; không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của anh Nguyễn Minh L và chị Thạch Thị Na Q. Kết luận, quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn và nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân*: Anh L, chị Q là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét trong thời gian chung sống, anh L và chị Q đều xác định không hạnh phúc, thường hay cự cãi nhau và hai người tự cắt đứt quan hệ từ ngày 23/10/2017 đến nay. Anh L xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn tiếp tục chung sống với chị Q. Anh yêu cầu được ly hôn với chị Q. Chị Q cũng đồng ý ly hôn với anh L. Xét việc thuận tình ly hôn giữa anh L và chị Q là tự nguyện nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh L và chị Q.

[3]. *Về con chung*: Anh L và chị Q có với nhau 01 người con chung tên Nguyễn Thạch Đức D, sinh ngày 09/12/2015 hiện chị Q đang nuôi. Xét cháu D gần 04 tuổi, từ khi ly thân đến nay cháu D sống với chị Q. Để tránh làm xáo trộn cuộc sống và đảm bảo cho việc phát triển về thể chất và tâm sinh lý của cháu D, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Q giao chị Q tiếp tục nuôi dưỡng con chung là có căn cứ phù hợp tại các điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng*: Anh L, chị Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Anh Nguyễn Minh L phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể anh L phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng, anh L đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Minh L và chị Thạch Thị Na Q.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thạch Đức D, sinh ngày 09/12/2015 cho chị Thạch Thị Na Q tiếp tục nuôi dưỡng, anh Nguyễn Minh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh L, chị Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Minh L nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)*tiền án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* anh L đã nộp theo biên lai thu số No 0012113 ngày 19/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, anh L đã nộp đủ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Ủy ban nhân dân xã M – huyện T, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lâm Văn Năm